

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 8 – 2022

“V/v Ly hôn giữa
chị D và anh K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thiện Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị D, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 189, tổ 04, ấp L, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: tổ 01, ấp C, xã Đ, huyện Ph, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh K, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 189, tổ 04, ấp L, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị D trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: năm 1998 chị và anh K quen biết và đồng ý kết hôn,

năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là xã H), huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 22/01/2001. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do anh K uống rượu nhiều và kiêu chuyện gây sự, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuối năm 2018 chị bỏ về nhà cha mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân hai bên không hàn gắn. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Nuôi con chung: có 01 con chung tên , sinh năm 1999, cháu Th đã thành niên và đang sống với anh K, chị đồng ý giao cháu Th cho anh K nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nên chị không cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại Bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 11/8/2020 của anh K (là bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân như trình bày trên của chị D, nhưng khoảng tháng 10 năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đến năm 2021 vợ chồng ly thân. Nay, chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Nuôi con chung: có 01 con chung tên Th, sinh năm 1999, cháu Th đã thành niên và đang sống với anh. Anh K không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Anh K đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D và anh K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh K.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị D và anh K là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân, thời gian ly thân anh chị cũng không hàn gắn, không còn quan tâm và bỏ mặc nhau. Chị D yêu cầu ly hôn

va anh K đồng ý ly hôn. Cho thấy anh chị không còn tình cảm và không thể trở lại sống chung. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho ly hôn giữa chị D và anh K.

[2.2] Về nuôi con chung: mặc dù cháu Th đã thành niên nhưng chưa sống tự lập và anh K đang nuôi dưỡng. Chị D giao con cho anh K nuôi, cháu Th cũng có nguyện vọng sống với cha. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Th cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, nhưng anh K không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con là tự nguyện của anh, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị D được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị D và anh K. Giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 22/01/2001 của Ủy ban nhân dân xã S (nay là xã H), huyện P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Th, sinh năm 1999 cho anh K trực tiếp nuôi, anh K đang nuôi dưỡng. Anh K không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, nên chị D không phải cấp dưỡng.

Chị D không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị D phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005187 ngày 23 - 6 - 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HUYỆN P;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Long Sơn (nay là xã Long

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hòa);

- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tám

-

Nguyễn Thị Kim Chi

Hồ Thị Kim Phương

